

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước Quý III năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông 09 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 09 tháng đầu năm 2023 là 2.136 tỷ đồng, đạt 68% dự toán Trung ương, 59% dự toán địa phương, giảm 21% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 1.971 tỷ đồng, đạt 67% dự toán Trung ương, 57% dự toán địa phương, giảm 24% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

a) Đa số các khoản thu, sắc thuế lớn đều chưa đạt tiến độ được giao, cụ thể như sau:

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 43 tỷ đồng, đạt 62% dự toán Trung ương, 55% dự toán địa phương, giảm 29% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân không đạt tiến độ theo dự toán được giao và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước là do một số doanh nghiệp trọng điểm như Công ty TNHH Olam Việt Nam, Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam giảm 50% số thuế nộp ngân sách nhà nước so cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 498 tỷ đồng, đạt 70% dự toán Trung ương, 69% dự toán địa phương, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chưa đạt tiến độ được giao là do thực hiện chính sách giảm thuế suất thuế Giá trị gia tăng và gia hạn thời hạn nộp một số khoản thuế theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 và Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ.

- Thuế thu nhập cá nhân 160 tỷ đồng, đạt 62% dự toán Trung ương, 43% dự toán địa phương, giảm 59% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân số thu giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước là do thị trường bất động sản trầm lắng kéo theo các khoản thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản cũng giảm theo (giảm 78% so với cùng kỳ).

- Lệ phí trước bạ 105 tỷ đồng, đạt 53% dự toán Trung ương, 45% dự toán địa phương, giảm 57% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân số thu giảm mạnh so với cùng kỳ là do số lượng hồ sơ chuyển nhượng về đất đai; mua bán ô tô, xe máy giảm mạnh dẫn đến số thu lệ phí trước bạ giảm. Trong đó Lệ phí trước bạ nhà đất giảm 77%; Lệ phí trước bạ ô tô giảm 45%.

- Thuế bảo vệ môi trường 87 tỷ đồng, đạt 45% dự toán, giảm 22% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân không đạt tiến độ theo dự toán được giao là do thực hiện chính sách giảm mức thuế suất bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tiền sử dụng đất 242 tỷ đồng, đạt 44% dự toán Trung ương, 28% dự toán địa phương và giảm 59% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh 37 tỷ đồng, đạt 9% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Nguyên nhân số thu đạt thấp là do thị trường bất động sản trầm lắng, hoạt động chuyển nhượng bất động sản thời gian qua phát sinh quá ít.

b) Một số khoản đạt tiến độ dự toán giao và tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước như:

- Thu từ khu vực nhà nước do Trung ương quản lý 470 tỷ đồng, đạt 91% dự toán Trung ương, 86% dự toán địa phương, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu từ chi nhánh nhà máy Alumin Nhân Cơ - Vinacomin gần 160 tỷ đồng; Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam gần 50 tỷ đồng.

- Thu phí và Lệ phí 143 tỷ đồng, đạt 77% dự toán, tăng 2% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó, Phí Bảo vệ môi trường 95 tỷ đồng.

- Xổ số kiến thiết 25 tỷ đồng, đạt 94% dự toán, tăng 20% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách 117 tỷ đồng, đạt 130% dự toán, tăng 58% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông 34 tỷ đồng.

2. Thu xuất nhập khẩu 147 tỷ đồng, đạt 82% dự toán, tăng 29% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó, phần lớn nguồn thu từ thuế xuất khẩu mặt hàng Alumin và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu máy móc, thiết bị.

3. Thu huy động đóng góp là 16 tỷ đồng.

II. Tổng chi ngân sách địa phương (NSDP)

Tổng chi ngân sách địa phương 09 tháng đầu năm 2023 là 6.023 tỷ đồng (bao gồm cả số giải ngân từ nguồn năm trước chuyển sang), đạt 66% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển là 2.809 tỷ đồng.

2. Chi thường xuyên 3.212 tỷ đồng. Trong đó: chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề 1.422 tỷ đồng, đạt 67% dự toán; chi sự nghiệp khoa học, công nghệ 15 tỷ đồng, đạt 84% dự toán.

Nhìn chung, công tác quản lý chi NSDP 09 tháng đầu năm 2023 cơ bản được kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương và giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách, đặc biệt chi như phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tuy nhiên, công tác triển khai các nhiệm vụ, dự án trong 09 tháng đầu năm còn chậm, đặc biệt là các Chương trình Mục tiêu Quốc gia.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2023 của tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Chiến



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 681/BC-UBND ngày 20/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Thực hiện 09 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	9.109.593	9.931.550	109	135
I	Thu cân đối NSDP	3.275.534	1.822.161	56	75
1	Thu nội địa	3.275.534	1.822.161	56	75
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ		-		
II	Thu huy động đóng góp	-	15.686		216
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	4.275.848		557
IV	Thu kết dư ngân sách		16.104		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		10.645		775
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.834.059	3.807.210	65	92
B	TỔNG CHI NSDP	9.156.793	6.023.183	66	115
1	Chi đầu tư phát triển	3.773.720	2.808.701	74	134
2	Chi thường xuyên	5.090.420	3.212.239	63	103
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.800	1.243	33	124
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	
5	Dự phòng ngân sách	132.836	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	155.017		-	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP		133		2
D	CHI TRẢ NỢ GÓC		12.750		



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số **681**/BC-UBND ngày **20**/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2023 TW giao	Dự toán 2023 ĐP giao	Thực hiện 09 tháng	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.135.600	3.650.000	2.136.044	68	59	79
I	Thu nội địa	2.955.600	3.470.000	1.972.214	67	57	76
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	519.000	543.300	469.808	91	86	117
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	20.000	20.000	12.742	64	64	92
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	70.000	78.600	43.199	62	55	71
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	711.000	726.300	498.066	70	69	108
5	Thuế thu nhập cá nhân	257.000	375.100	160.064	62	43	41
6	Thuế bảo vệ môi trường	195.000	195.000	87.208	45	45	78
7	Lệ phí trước bạ	200.000	232.100	105.389	53	45	43
8	Các loại phí, lệ phí	187.000	187.000	143.245	77	77	102
9	Các khoản thu về nhà, đất	587.300	903.300	262.441	45	29	43
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0			-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300	561	187	187	128
-	Thu tiền sử dụng đất	550.000	866.000	242.232	44	28	41
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	37.000	37.000	19.649	53	53	99
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN		-				
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	92.000	92.000	46.744	51	51	98
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	300	300	1.144	381	381	533
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	27.000	27.000	25.273	94	94	120
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
14	Thu khác ngân sách	90.000	90.000	116.891	130	130	158
II	Thu từ đầu thô	-	-				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	180.000	180.000	146.964	82	82	129
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	12.000	12.000	52.658	439	439	494
2	Thuế xuất khẩu	165.000	165.000	86.298	52	52	84
3	Thuế nhập khẩu	3.000	3.000	8.005	267	267	2.198
4	Thuế tiêu tiêu thu đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác			3			15
IV	Thu viện trợ			1.180			
V	Thu huy động đóng góp			15.686			216
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CẤP	2.771.310	3.275.534	1.837.847	66	56	75
1	Từ các khoản thu phân chia	1.249.000	1.392.100	901.737	72	65	89
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.522.310	1.883.434	936.110	61	50	65



2

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số **681**/BC-UBND ngày **20**/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Thực hiện 09 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSDP	9.156.793	6.023.183	66	116
I	Chi đầu tư phát triển	3.773.720	2.808.701	74	134
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.554.520	2.779.555	78	137
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	219.200	29.146	13	52
II	Chi thường xuyên	5.090.420	3.212.239	63	103
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.130.702	1.422.351	67	106
2	Chi khoa học và công nghệ	17.710	14.846	84	101
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		337.506		83
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		55.533		100
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		25.671		98
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		6.120		56
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		26.780		122
8	Chi sự nghiệp kinh tế		301.765		131
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		730.769		104
10	Chi bảo đảm xã hội		112.932		74
III	Chi trả lãi các khoản vay	3.800	1.243	33	124
IV	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	155.017		-	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	100
VI	Dự phòng ngân sách	132.836		-	

12

